

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4062 /QĐ - ĐT ngày 29 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Sư phạm Tiếng Pháp

+ Tiếng Anh: French Language Teacher Education

- Mã số ngành đào tạo: 52140233

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in French Language Teacher Education

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân Sư phạm tiếng Pháp đào tạo ra những nhà chuyên môn (giáo viên ở bậc THPT hay ở bậc ĐH) có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Pháp và sử dụng thành thạo tiếng Pháp (ít nhất tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu); được trang bị tri thức về hoạt động dạy, sự hiểu biết về người học trong những hoàn cảnh cụ thể; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi,

suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Pháp được giảng dạy; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành cán bộ giảng dạy giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Pháp nói riêng và ngành sư phạm nói chung.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng dự thi: Thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm do Bộ Giáo dục & Đào tạo tổ chức, đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN và của trường ĐH Ngoại ngữ.

- Khối thi: Khối D. Môn thi: Toán, Văn, Ngoại ngữ. Trong đó Ngoại ngữ có thể là tiếng Anh (D1) hoặc tiếng Pháp (D3). Môn thi ngoại ngữ tính hệ số 2.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản

trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

- Trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt chuẩn B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu. Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong các chủ đề về công việc, trường học, giải trí, v.v. Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Viết đơn giản những liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực

- Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới có vốn hiểu biết tốt về địa lý nước Pháp và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Pháp.

- Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo.

- Hiểu rõ mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương.

1.3. Kiến thức chung của khối ngành

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

- Nắm được bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

- Nắm vững và vận dụng được kỹ năng sử dụng tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản, xác định lỗi và chữa lỗi trong văn bản nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt; nắm được các vấn đề về lý thuyết tiếng Việt như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và dụng học tiếng Việt.

- Nắm vững và hiểu biết tri thức văn hoá – xã hội, nghệ thuật, phát triển năng lực tư duy phê phán, hình thành phương pháp học tập ngoại ngữ có hiệu quả.

1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành

- Hiểu rõ những khái niệm cơ bản trong ngữ âm học tiếng Pháp, các quy luật ngữ âm, trọng âm, ngữ điệu nhờ đó biết cách tự hoàn thiện mức độ chuẩn xác về phát âm của bản thân.

- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ bản của ngữ pháp tiếng Pháp (hình thái học, cú pháp học) trong công việc chuyên môn như giảng dạy, hoặc nghiên cứu.

- Nắm vững được một loạt các vấn đề cơ bản của từ vựng học tiếng Pháp và nhờ đó sử dụng từ chính xác hơn trong thực hành giao tiếp.

- Người học sẽ phát triển các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, và kỹ năng tranh luận, có cơ hội nâng cao vốn từ vựng, phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Pháp.

- Nắm vững những kiến thức khái quát về đất nước học Pháp bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục Pháp, cũng như văn học Pháp ở các giai đoạn khác nhau.

- Người học sẽ phát triển các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, và kỹ năng tranh luận, có cơ hội nâng cao vốn từ vựng, phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Pháp.

- Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức thực hành tiếng Pháp ở trình độ C1 theo khung tham chiếu châu Âu.

- Sử dụng tốt tiếng Pháp ở trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu và có thể sử dụng năng lực này trong quá trình dạy học, nghiên cứu và hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học.

1.5. Khối kiến thức ngành và bổ trợ

- Nắm và vận dụng các kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, và công nghệ trong giảng dạy vào thực tiễn công tác.

- Có kiến thức nền tảng về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin và ứng dụng của công nghệ thông tin trong dạy-học.

- Nắm vững và vận dụng kiến thức về bản chất của quá trình dạy-học ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn sau này.

- Hiểu biết về bối cảnh và các vấn đề của việc giảng dạy tiếng Pháp tại Việt Nam, cũng như vai trò của tiếng Pháp như một ngôn ngữ mang tính quốc tế cao.

1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Thông qua chương trình thực tập sư phạm cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp có kiến thức thực tiễn về hoạt động của trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác, tiếp cận và hoàn thành tốt các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm đã học tại đại học (kiến thức chuyên môn, kỹ năng soạn bài, giảng bài, kỹ năng quản lý lớp học v.v.), đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người giáo viên (kỹ năng thâm nhập vào thực tế nhà trường phổ thông, kỹ năng tìm hiểu học sinh, kỹ năng chủ nhiệm lớp v.v.), làm quen với thực tế nhà trường phổ thông và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn.

- Sinh viên có quyền lựa chọn làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học môn thay thế. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp theo hình thức sinh viên tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả

năng phân tích, tư duy phê phán, thuyết trình v.v. Những môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, giúp sinh viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Pháp, hoặc các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành sư phạm.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp

- Hiểu biết và có khả năng tổ chức quản lí các hoạt động giảng dạy, theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học, tự tổ chức hoạt động học tập cá nhân và theo nhóm của học sinh.

- Hiểu biết và có khả năng xây dựng, thực hiện bài tập, hoạt động, giáo án, kế hoạch giảng dạy theo hướng tích hợp dạy-học với giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy-học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục; phối hợp hoạt động học với hoạt động dạy theo hướng phát huy tính nhận thức tích cực của học sinh.

- Có năng lực thực hiện kế hoạch dạy học tiếng Pháp đảm bảo kiến thức môn học, làm chủ kiến thức môn học, đảm bảo nội dung dạy học chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lý các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn. Thực hiện nội dung dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định trong chương trình môn học.

- Hiểu biết và có năng lực tổ chức việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả việc giảng dạy tiếng Pháp, và kích thích sự đam mê tìm tòi, khám phá và tự học ở người học.

- Có năng lực giao tiếp, đồng cảm với người học, tự học, biết sử dụng công nghệ tiên tiến và phương tiện dạy học đa dạng trong dạy học, chuẩn bị bài và gây hứng thú trong môn học.

- Có năng lực đổi mới, sáng tạo nhằm thực hiện công việc và nhiệm vụ sư phạm được giao, phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả dạy học tiếng Pháp. Biết

phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh, về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế, sử dụng các thông tin thu được vào giảng dạy tiếng Pháp.

- Có khả năng vận dụng linh hoạt sáng tạo các phương pháp, hình thức giáo dục tư tưởng, tình cảm, thái độ thông qua việc giảng dạy môn học trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá, công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, hay các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội theo kế hoạch đã xây dựng, và theo tình huống xã hội cụ thể, phù hợp đối tượng, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

- Có khả năng tìm kiếm cơ hội góp phần phát triển công tác giảng dạy tiếng Pháp ở trường, địa phương, trong nước, trong khu vực, và quốc tế.

- Có khả năng xây dựng môi trường học tập tiếng Pháp tại trường, địa phương, quốc gia hay trong khu vực: Tạo dựng môi trường học tập: dân chủ, thân thiện, hợp tác, cộng tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và cống hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội.

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giảng dạy hay nghiên cứu ở mức độ cải tiến; có khả năng đưa ra giải pháp và đưa/viết đề xuất, kiến nghị.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giảng dạy.

- Có khả năng khám phá và nâng cao sự hiểu biết về văn hoá Pháp và qua đó hiểu biết sâu sắc hơn về văn hoá Việt Nam.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

Có khả năng phát triển tư duy logic, hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn nói riêng và các vấn đề văn hóa - xã hội nói chung, phát triển kỹ năng tư duy phản biện, thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) phản biện.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Có khả năng tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

- Có khả năng phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng để hỗ trợ, giúp đỡ việc học tập tiếng Pháp, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh; huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường.

- Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

Có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục khác (công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn TNCS HCM, công tác Đội, các công tác khác khi được phân công) đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn luôn luôn thay đổi. Luôn sáng tạo, chủ động trong xử lý công việc.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

Có khả năng sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, nghiên cứu gắn liền với thực hành giảng dạy, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

Có thể quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; biết thích ứng với sự phức tạp của thực tế và xử lý tốt khi gặp áp lực trong công việc; biết tự đánh giá kết quả công việc, lập kế hoạch, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

Có khả năng hình thành, điều hành và phát triển nhóm một cách hiệu quả; biết lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên, khuyến khích ...), xử lý xung đột trong nhóm; biết làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Có khả năng giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết.

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có khả năng giao tiếp được bằng ngoại ngữ (tiếng Pháp) với trình độ tương đương C1 trở lên.

- Có khả năng giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác với trình độ tương đương B1 trở lên.

2.2.6. Kỹ năng công nghệ thông tin

- Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet, biết cách chọn lọc, biên

soạn chỉnh lý, sử dụng và đánh giá một cách phản biện những tài liệu này nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và môđun đơn giản trong Visual Basic.

- Có khả năng sử dụng các các nguồn lực, công nghệ, phương tiện dạy học một cách đa dạng, phản biện và tích cực nhằm làm tăng hiệu quả dạy và học tiếng Pháp.

3. Về phẩm chất đạo đức.

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng.

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Người giáo viên tiếng Pháp cần:

- Trung thực, có trách nhiệm, năng động, tư duy phê phán, khả năng suy ngẫm.

- Có tính kiên trì, say mê công việc, có tính chuyên nghiệp cao.
- Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường giáo dục; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.
- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp, xây dựng tập thể sư phạm tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục và giảng dạy tiếng Pháp.
- Có khả năng phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập tiếng Pháp, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường.
- Có thái độ thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học và sử dụng tiếng Pháp có hiệu quả.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người giáo viên; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp có thể đảm nhận các vị trí như: giáo viên, cán bộ giảng dạy tại các cơ sở dạy tiếng Pháp ở các cấp học trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, đặc biệt tại các trường phổ thông trung học hay đại học, hoặc có thể phát triển thành những cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục ngoại ngữ, nghiên cứu ngôn ngữ học hay quốc tế học.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	133 tín chỉ
- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	27 tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	6/15 tín chỉ

- Khối kiến thức chung của khối ngành:	8 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	6 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	2/14 tín chỉ
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	54 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	48 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	6/24 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	29 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	17 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	12/24 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	9 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	NN A1
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	NN A2
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
11		Kĩ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	6/15				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
12	FRE1001	Địa lý đại cương	3	30	10	5	FRE5006
13	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	30	10	5	FRE5006
14	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15	15		
15	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18		
16	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	8				
III.1		Bắt buộc	6				
17	HIS1052	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	30	10	5	
18	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	30	10	5	
III.2		Tự chọn	2/14				
19	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	20	6	4	
20	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	15	13	2	
21	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
22	FLF1003	Tư duy phê phán	2	20	6	4	
23	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	20	10		
24	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	22	7	1	
25	FLF1004	Văn hóa các nước Asean	2	20	8	2	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	54				
IV.1		Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa	18				
IV.1.1		Bắt buộc	12				
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	30	10	5	FRE5010
27	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	30	10	5	FRE2038
28	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	30	10	5	FRE5010
29	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	30	10	5	FRE2056
IV.1.2		Tự chọn	6/24				
30	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	30	10	5	FRE5010
31	FRE2037	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	30	10	5	FRE5010

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
32	FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	30	10	5	FRE5010
33	FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	30	10	5	FRE5010
34	FRE2042	Ngôn ngữ học xã hội	3	30	10	5	FRE5010
35	FRE2041	Lịch sử văn học Pháp	3	30	10	5	FRE5010
36	FRE2047	Pháp ngữ học	3	30	10	5	FRE5010
37	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	30	10	5	FRE5010
IV.2		Khối kiến thức tiếng	36				
38	FRE5001	Tiếng Pháp 1A	4	16	40	4	
39	FRE5002	Tiếng Pháp 1B	4	16	40	4	FRE5001
40	FRE5003	Tiếng Pháp 2A	4	16	40	4	FRE5002
41	FRE5004	Tiếng Pháp 2B	4	16	40	4	FRE5003
42	FRE5005	Tiếng Pháp 3A	4	16	40	4	FRE5004
43	FRE5006	Tiếng Pháp 3B	4	16	40	4	FRE5005
44	FRE5007	Tiếng Pháp 4A	4	16	40	4	FRE5006
45	FRE5008	Tiếng Pháp 4B	4	16	40	4	FRE5007
46	FRE5009	Tiếng Pháp 3C	2	5	20	5	
47	FRE5010	Tiếng Pháp 4C	2	5	20	5	
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	29				
V.1		Bắt buộc	17				
48	PSF3007	Tâm lý học	3	30	10	5	
49	PSF3008	Giáo dục học	3	30	10	5	
50	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	20	6	4	
51	FRE3031	Lý luận giảng dạy tiếng Pháp	3	30	10	5	FRE5006
52	FRE3037	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	3	30	10	5	FRE3031
53	FRE3026	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	30	10	5	FRE5006
V.2		Tự chọn	12/24				
54	FRE3034	Phiên dịch	3	30	10	5	FRE5006

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
55	FRE3017	Biên dịch	3	30	10	5	FRE5006
56	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	15	25	5	PSF3007
57	FRE3039	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	30	10	5	FRE3037
58	FRE3023	Giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành	3	30	10	5	FRE3037
59	FRE3021	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	30	10	5	FRE3037
60	FRE3024	Giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ 2	3	30	10	5	FRE3037
61	FRE3050	Xây dựng chương trình giảng dạy	3	30	10	5	FRE3037
VI		Kiến thức thực tập và tốt nghiệp	9				
62	FRE4013	Thực tập					
63	FRE4052	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 2 môn trong số các môn học tự chọn khối IV hoặc V)	6				
		Tổng cộng	133				